

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1993 và bà Nguyễn Thị Kim T – sinh năm 1993; cùng trú tại: Tổ 68, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận T, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 168 ngày 03 tháng 12 năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng những năm về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù cả hai đã cố gắng tự hòa giải, gia đình hai bên cũng đã động viên hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay cả hai ông bà xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T xác định có 01 con chung là Nguyễn Văn D – sinh ngày 30 tháng 7 năm 2014 và thống nhất thỏa thuận: Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ chia tài sản: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông bà.

Xét thấy: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện ly hôn. Ông T và bà T cũng đã thỏa thuận được việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của con. Việc thỏa thuận của ông T và bà T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái

đạo đức xã hội. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T thống nhất thuận tình ly hôn.

1.2 Về quan hệ con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Văn D – sinh ngày 30 tháng 7 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông bà.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0004743 ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND P.X;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Hữu Vinh